

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2022

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và bà Vũ Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị L** - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Ông **Hà Xuân D** - sinh năm 1957 (bố đẻ chị L).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Có mặt chị L, anh T; vắng mặt ông D).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn- chị Hà Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 08/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương đến năm 2005 thì chuyển về thôn Ấp H (nay là thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T uống rượu dẫn đến say xỉn, mỗi lần uống

rượu là anh lại chửi bới chị và các con, thậm chí anh còn đánh đập khiến chị phải về nhà bố mẹ đẻ hoặc phải trốn đi chỗ khác. Đặc biệt 3 năm trở lại đây anh T thường xuyên uống rượu, không chịu lao động, không quan tâm đến việc phát triển kinh tế gia đình. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi. Năm 2021 chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, quá trình Tòa án hòa giải, anh T hứa sửa chữa, kết hợp hai bên gia đình cùng động viên nên chị rút đơn, Tòa án đã đình chỉ vụ án nhưng sau đó anh T còn uống rượu nhiều hơn, lần nào uống cũng say xỉn, không làm chủ được bản thân, gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống hàng ngày của các thành viên khác trong gia đình.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tổ chức được cuộc sống chung hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có ba con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/9/2004; Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 25/02/2008 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 19/4/2011, hiện cả 3 con chung đang sống cùng anh chị. Nếu ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung. Thực tế nhiều năm nay, vợ chồng chưa ly hôn nhưng cơ bản một mình chị xoay sở để nuôi các con, mẹ con chị nhận được sự quan tâm, giúp đỡ rất lớn từ ông, bà ngoại các cháu (ở liền kề) nên mặc dù anh T không hỗ trợ chị để nuôi các con nhưng các con vẫn được chăm sóc chu đáo, đảm bảo phát triển toàn diện về mọi mặt. Các con của anh chị chưa trưởng thành nhưng đã tự lo liệu nhu cầu tối thiểu của bản thân, đặc biệt con Nguyễn Minh N đã tham gia lao động, có thu nhập giúp đỡ bố mẹ ... Hiện chị làm phụ hồ tại địa bàn huyện B và các địa phương lân cận, thu nhập 01 tháng khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng. Nếu ly hôn mẹ con chị sẽ sống cùng bố mẹ đẻ của chị (ở liền kề), ông, bà ngoại các cháu đều còn khỏe, sẵn sàng hỗ trợ mẹ con chị; nơi ở của gia đình tiện nghi, thuận tiện cho việc sinh hoạt, học tập, lao động của các con.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng. Anh thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, anh nghe bạn bè rủ rê đi uống rượu, lúc say anh có chửi chị L dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Tuy nhiên anh vẫn muốn vợ chồng chung sống với nhau nên anh không nhất trí ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, anh hứa sẽ sửa đổi tính nết để không làm ảnh hưởng đến gia đình.

Về con chung, anh chị có 3 con chung như chị L khai. Quá trình Tòa án thụ thập chứng cứ do anh không nhất trí ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về quan hệ con chung. Tại phiên tòa anh xác định nếu chị L kiên quyết ly hôn thì 3 con chung muốn ở với ai anh cũng chấp nhận, nếu 1 hoặc 3 con chung ở với anh, anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, trường hợp các con chung xin ở với mẹ, chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh cũng nhất trí. Hiện thỉnh thoảng anh có đi làm phụ hồ cùng con trai lớn tại huyện B, mức thu nhập

khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng là ông Hà Xuân D trình bày:

Quá trình chung sống, chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, say xỉn, chửi, đánh vợ. Chị L đã nhiều lần phải bỏ về nhà để tránh. Hai bên gia đình đã kiên trì khuyên bảo, động viên để anh T thay đổi cách sống, giúp vợ nuôi dạy các con trưởng thành nhưng mỗi lần anh T uống rượu về, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Hai bên gia đình, chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp nhưng không kết quả. Việc chị L xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L, anh T có 3 con chung. Các con của anh chị đều khỏe mạnh, ngoan ngoãn, được chăm sóc chu đáo. Nếu chị L được Tòa án giao nuôi cả 3 con chung, ông bà sẵn sàng giúp đỡ và tạo điều kiện tốt nhất để mẹ con chị ổn định cuộc sống sau ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L, xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Hà Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 3 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/9/2004; Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 25/02/2008 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 19/4/2011 (hiện cả 3 con chung đang sống cùng với anh chị) đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị L, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 08/12/2003, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống đều say xỉn và có hành động, lời nói không đúng mực với vợ con; anh T là trụ cột gia đình nhưng không chịu lao động, không có trách nhiệm

với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, kéo dài mặc dù hai bên gia đình, chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải. Năm 2021 chị L nộp đơn xin ly hôn anh T. Quá trình Tòa án hòa giải, anh T không nhất trí ly hôn, cam kết sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn để tạo cho anh T cơ hội cuối cùng, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án...nhưng sau tất cả những cố gắng giúp đỡ của mọi người, anh T vẫn chứng nào tật ấy thậm chí mật độ uống rượu còn dày hơn, tình trạng sau uống rượu còn tồi tệ hơn....Kết quả xác minh thu thập chứng cứ phù hợp với lời khai của người làm chứng, chính quyền địa phương nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L ly hôn anh T phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh T có ba con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/9/2004; Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 25/02/2008 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 19/4/2011 (hiện cả 3 con chung đang sống cùng với anh chị). Cả 3 con chung đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ. Chị L đề nghị được nuôi dưỡng 3 con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T nhất trí nên chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh T giao cho chị L nuôi dưỡng các con chung đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

[3] Về quan hệ tài sản: Chị L, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L, xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2 - Về quan hệ con chung: Giao cho chị Hà Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/9/2004; Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 25/02/2008 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 19/4/2011 (hiện cả 3 con chung đang ở cùng anh chị) đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh

Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003779 ngày 01/11/2021.

4- Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên